

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 32

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phùng Văn Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/01/2026)
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/01/2026)
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên
Ông Vũ Huy An	Thành viên
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

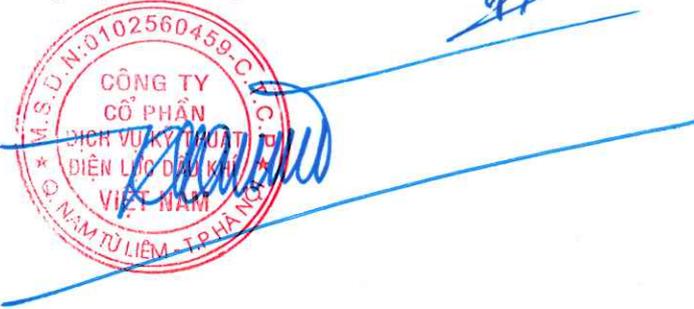
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



**Vũ Anh Tuấn**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Số: 107/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, được lập ngày 28/02/2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

---

**Nguyễn Thị Tiến****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>279.925.376.860</b>	<b>247.269.513.603</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>38.693.461.561</b>	<b>33.909.703.026</b>
1. Tiền	111		12.353.461.561	18.539.703.026
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.340.000.000	15.370.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.410.000.000</b>	<b>32.542.986.361</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	25.410.000.000	32.542.986.361
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>135.643.989.445</b>	<b>162.630.648.834</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	131.436.766.910	151.590.077.253
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.492.052.810	7.822.082.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	715.169.725	3.218.489.581
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>76.384.337.636</b>	<b>18.162.796.131</b>
1. Hàng tồn kho	141		76.384.337.636	18.162.796.131
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.793.588.218</b>	<b>23.379.251</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	717.427.419	23.379.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.076.160.799	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>48.026.922.270</b>	<b>44.755.204.585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>337.860.000</b>	<b>37.860.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	337.860.000	37.860.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.944.086.643</b>	<b>14.812.550.993</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	17.944.086.643	14.812.550.993
- Nguyên giá	222		97.632.740.807	94.459.548.609
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.688.654.164)	(79.646.997.616)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		2.288.155.290	2.288.155.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>5.040.000.000</b>	<b>5.040.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.704.975.627</b>	<b>24.864.793.592</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	24.704.975.627	24.864.793.592
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>327.952.299.130</b>	<b>292.024.718.188</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

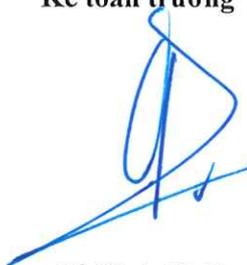
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>142.320.833.559</b>	<b>102.615.233.510</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>142.320.833.559</b>	<b>102.615.233.510</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	96.531.968.997	45.895.258.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	12.861.004.426	10.993.626.666
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.963.034.191	5.566.843.105
4. Phải trả người lao động	314		24.044.202.144	31.942.282.827
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	735.878.909	1.164.458.005
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.739.636.562	5.962.040.257
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.445.108.330	1.090.724.103
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>185.631.465.571</b>	<b>189.409.484.678</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>185.631.465.571</b>	<b>189.409.484.678</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	20.686.994.576
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.944.470.995	18.722.490.102
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.240.486	121.242.018
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.942.230.509	18.601.248.084
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>327.952.299.130</b>	<b>292.024.718.188</b>

Người lập biểu



**Hoàng Thị Hồng Trang**

Kế toán trưởng



**Lê Đình Thái**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Giám đốc




**Vũ Anh Tuấn**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	382.214.466.652	372.622.978.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10		382.214.466.652	372.622.978.479
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	329.592.881.623	310.112.817.982
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		52.621.585.029	62.510.160.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.656.994.884	3.938.146.842
7. Chi phí tài chính	22	6.4	49.872.793	115.452.378
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.872.793	33.335.617
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	38.527.854.873	41.812.792.953
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	30		16.700.852.247	24.520.062.008
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.129.757.370	104.453.657
12. Chi phí khác	32	6.6	50.290.100	667.324.740
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40	6.6	2.079.467.270	(562.871.083)
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	50		18.780.319.517	23.957.190.925
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.838.089.008	5.355.942.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		14.942.230.509	18.601.248.084
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	996	972

Người lập biểu



**Hoàng Thị Hồng Trang**

Kế toán trưởng



**Lê Đình Thái**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



**Vũ Anh Tuấn**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.780.319.517	23.957.190.925
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.296.192.696	3.816.643.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(822.423)	80.554.099
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.825.972.746)	(3.940.015.024)
- Chi phí lãi vay	06		49.872.793	33.335.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.299.589.837	23.947.708.666
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.017.603.768	(51.714.358.191)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(58.221.541.505)	5.697.052.600
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39.002.959.667	27.021.937.868
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(534.230.203)	(1.648.481.628)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(49.872.793)	(33.335.617)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.495.685.153)	(7.123.144.658)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.665.865.389)	(3.917.463.630)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>16.352.958.229</b>	<b>(7.770.084.590)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.427.728.346)	(5.346.991.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		168.977.862	1.868.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97.340.000.000)	(96.492.986.361)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		104.551.756.740	123.420.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.171.119.327	5.593.513.920
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>3.124.125.583</b>	<b>27.175.404.141</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		13.234.461.497	8.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.234.461.497)	(8.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.694.147.700)	(13.926.704.836)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(14.694.147.700)</b>	<b>(13.926.704.836)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>4.782.936.112</b>	<b>5.478.614.715</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>33.909.703.026</b>	<b>28.431.244.144</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		822.423	(155.833)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	<b>38.693.461.561</b>	<b>33.909.703.026</b>

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 441 người (tại ngày 31/12/2024 là 428 người).

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện - điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 4.000MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động bảo vệ tư nhân;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

## **2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty kèm theo là Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Hà Tĩnh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm quản lý được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03- 05 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Các khoản chi phí bảo hiểm và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí tham quan học hỏi, nhân công thuê ngoài, chi phí đồng phục và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Trích trước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ và doanh thu cho thuê tài sản hoạt động.

***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

#### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

### **5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

#### **5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	809.797.770	344.859.533
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.543.663.791	18.194.843.493
Các khoản tương đương tiền	26.340.000.000	15.370.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)	26.340.000.000	15.370.000.000
<b>Tổng</b>	<b>38.693.461.561</b>	<b>33.909.703.026</b>

(\*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	25.410.000.000	25.410.000.000	32.542.986.361	32.542.986.361
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.410.000.000	25.410.000.000	32.542.986.361	32.542.986.361
<b>Tổng</b>	<b>25.410.000.000</b>	<b>25.410.000.000</b>	<b>32.542.986.361</b>	<b>32.542.986.361</b>

(\*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,1%/năm đến 6%/năm.

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>131.436.766.910</b>	<b>151.590.077.253</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	10.242.380.066
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	15.824.484.104
Chi nhánh phát điện dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	29.943.406.509	-
Công ty TNHH KOMIPO Vân Phong Power Service	-	27.677.669.050
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	-	532.806.481
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	53.387.763.945	68.931.928.863
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	5.080.885.046	6.606.186.471
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Thuận Thiên	23.853.751.755	-
Phải thu các đối tượng khác	19.170.959.655	21.774.622.218
<b>Tổng</b>	<b>131.436.766.910</b>	<b>151.590.077.253</b>

*Trong đó:*

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

88.483.844.760

102.013.361.991

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.492.052.810</b>	<b>7.822.082.000</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Vật tư Minh Hải	939.200.000	-
Công ty Cổ phần SUPER MRO	1.205.531.050	-
ABB MALAYSIA SDN BHD	664.272.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại VIETNET	-	5.184.614.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Trường Khải	-	2.637.468.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	683.049.760	-
<b>Tổng</b>	<b>3.492.052.810</b>	<b>7.822.082.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>715.169.725</b>	-	<b>3.218.489.581</b>	-
- Phải thu khác	335.190.388	-	1.024.643.983	-
<i>Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	257.172.248	-	397.289.493	-
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	-	-	453.600.000	-
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	78.018.140	-	173.754.490	-
Tạm ứng	357.314.337	-	1.723.897.723	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.665.000	-	469.947.875	-
<b>Dài hạn</b>	<b>337.860.000</b>	-	<b>37.860.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	337.860.000	-	37.860.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.053.029.725</b>	-	<b>3.256.349.581</b>	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	12.469.134	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.384.337.636	-	18.150.326.997	-
<i>Dự án Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh</i>	28.399.201.303	-	16.701.641.643	-
<i>Dự án nhà máy nhiệt điện Duyên Hải</i>	42.560.552.952	-	-	-
<i>Các dự án khác</i>	5.424.583.381	-	1.448.685.354	-
<b>Tổng</b>	<b>76.384.337.636</b>	-	<b>18.162.796.131</b>	-

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>717.427.419</b>	<b>23.379.251</b>
Chi phí bảo hiểm	694.677.419	-
Chi phí trả trước khác	22.750.000	23.379.251
<b>Dài hạn</b>	<b>24.704.975.627</b>	<b>24.864.793.592</b>
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	20.352.620.661	20.980.465.005
Chi phí trả trước khác	4.352.354.966	3.884.328.587
<b>Tổng</b>	<b>25.422.403.046</b>	<b>24.888.172.843</b>

(\*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	1.409.200.000	44.888.630.195	25.922.451.775	22.239.266.639	94.459.548.609
Tăng trong năm	-	6.345.739.255	1.011.989.091	70.000.000	7.427.728.346
Mua trong năm	-	6.345.739.255	1.011.989.091	70.000.000	7.427.728.346
Giảm trong năm	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Thanh lý, nhượng bán	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Số dư tại 31/12/2025	<u>1.409.200.000</u>	<u>49.532.220.362</u>	<u>25.648.008.502</u>	<u>21.043.311.943</u>	<u>97.632.740.807</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	1.335.046.774	32.283.603.820	24.162.838.997	21.865.508.025	79.646.997.616
Tăng trong năm	15.000.000	2.386.637.809	1.687.316.193	207.238.694	4.296.192.696
Khấu hao trong năm	15.000.000	2.386.637.809	1.687.316.193	207.238.694	4.296.192.696
Giảm trong năm	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Thanh lý, nhượng bán	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Số dư tại 31/12/2025	<u>1.350.046.774</u>	<u>32.968.092.541</u>	<u>24.563.722.826</u>	<u>20.806.792.023</u>	<u>79.688.654.164</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2025	74.153.226	12.605.026.375	1.759.612.778	373.758.614	14.812.550.993
Tại ngày 31/12/2025	<u>59.153.226</u>	<u>16.564.127.821</u>	<u>1.084.285.676</u>	<u>236.519.920</u>	<u>17.944.086.643</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 63.924.357.382 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 65.029.261.075 đồng).

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm tin học VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2025	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>2.288.155.290</u>	<u>2.288.155.290</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2025	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>2.288.155.290</u>	<u>2.288.155.290</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 2.288.155.290 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 7, Toà nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,  
Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			5.040.000.000	-	-	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí	11,90%	11,90%	5.040.000.000	(i)	-	(i)
<b>Tổng</b>			<b>5.040.000.000</b>	-	-	<b>5.040.000.000</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>96.531.968.997</b>	<b>96.531.968.997</b>	<b>45.895.258.547</b>	<b>45.895.258.547</b>
Công ty TNHH Hệ thống Truyền tải và Phân phối Toshiba	18.429.960.705	18.429.960.705	-	-
Công ty TNHH ASIA NETWORKS PEMS	15.227.751.632	15.227.751.632	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	6.088.347.113	6.088.347.113	9.705.700.125	9.705.700.125
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Nhân lực XL DESGN BUILT PRIVATE LIMITED	-	-	1.816.318.386	1.816.318.386
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Unicom	-	-	5.431.200.000	5.431.200.000
Các đối tượng khác	40.028.615.034	40.028.615.034	22.056.493.758	22.056.493.758
<b>Tổng</b>	<b>96.531.968.997</b>	<b>96.531.968.997</b>	<b>45.895.258.547</b>	<b>45.895.258.547</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.861.004.426</b>	<b>10.993.626.666</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	3.029.583.609	7.567.183.638
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	4.966.678.673	-
Công ty nhiệt điện Mông Dương	-	2.234.244.444
Các khoản người mua trả tiền trước khác	3.672.543.560	-
<b>Tổng</b>	<b>12.861.004.426</b>	<b>10.993.626.666</b>

*Trong đó:*

*Người mua trả tiền trước là các bên liên quan*

*(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

**6.093.601.279**

**7.861.498.638**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>5.566.843.105</b>	<b>21.846.681.398</b>	<b>25.450.490.312</b>	<b>1.963.034.191</b>
Thuế giá trị gia tăng	4.009.395.806	13.157.071.101	17.166.466.907	-
Thuế XNK	-	1.428.863.338	1.428.863.338	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.247.301.017	3.838.089.008	3.495.685.153	1.589.704.872
Thuế thu nhập cá nhân	310.146.282	3.417.657.951	3.354.474.914	373.329.319
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-

**5.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>735.878.909</b>	<b>1.164.458.005</b>
Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	185.000.000	235.000.000
Chi phí phụ cấp độc hại	341.290.279	287.613.356
Trích trước chi phí khác	209.588.630	641.844.649
<b>Tổng</b>	<b>735.878.909</b>	<b>1.164.458.005</b>

**5.15 Phải trả khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.739.636.562</b>	<b>5.962.040.257</b>
Kinh phí công đoàn	305.249.674	367.746.258
Bảo hiểm xã hội	233.411.829	281.318.281
Bảo hiểm y tế	96.208.630	103.358.401
Bảo hiểm thất nghiệp	82.865.799	83.058.737
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
Phải trả, phải nộp khác	3.971.650.630	5.076.308.580
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>1.201.627.884</i>	<i>1.195.775.584</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.770.022.746</i>	<i>3.880.532.996</i>
<b>Tổng</b>	<b>4.739.636.562</b>	<b>5.962.040.257</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	13.234.461.497	13.234.461.497	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (*)	-	-	13.234.461.497	13.234.461.497	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.234.461.497</b>	<b>13.234.461.497</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng cấp tín dụng số MMD201557/HĐCTD ngày 19/05/2015 và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số PLHM-2760985 ngày 22/01/2025 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là: 130.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày 22/01/2025; Lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ.

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	17.759.345.956	188.446.340.532
Lãi trong năm trước	-	-	18.601.248.084	18.601.248.084
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.538.103.938)	(3.538.103.938)
Chia cổ tức	-	-	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>20.686.994.576</b>	<b>18.722.490.102</b>	<b>189.409.484.678</b>
Số dư tại 01/01/2025	150.000.000.000	20.686.994.576	18.722.490.102	189.409.484.678
Lãi trong năm nay	-	-	14.942.230.509	14.942.230.509
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(4.020.249.616)	(4.020.249.616)
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.700.000.000)	(14.700.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>20.686.994.576</b>	<b>14.944.470.995</b>	<b>185.631.465.571</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 67/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 18/4/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 4.020.249.616 VND; chia cổ tức 14.700.000.000 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	76.500.000.000
YTL Power Service Sdn.Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000
America LLC	13.542.000.000	13.466.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	32.958.000.000	33.034.000.000
<b>Tổng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>14.700.000.000</b>	<b>14.100.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hoá	61.716.353.774	42.834.761.422
Doanh thu cung cấp dịch vụ	320.498.112.878	329.788.217.057
<b>Tổng</b>	<b>382.214.466.652</b>	<b>372.622.978.479</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>238.398.389.207</i>	<i>234.680.979.085</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn vật tư, hàng hoá	60.128.008.847	41.402.065.115
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	269.464.872.776	268.710.752.867
<b>Tổng</b>	<b>329.592.881.623</b>	<b>310.112.817.982</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.656.172.461	3.484.546.842
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	453.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	822.423	-
<b>Tổng</b>	<b>2.656.994.884</b>	<b>3.938.146.842</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	49.872.793	33.335.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.562.662
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	80.554.099
<b>Tổng</b>	<b>49.872.793</b>	<b>115.452.378</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>38.527.854.873</b>	<b>41.812.792.953</b>
Chi phí nhân viên quản lý	23.141.397.699	25.850.947.045
Chi phí vật liệu quản lý	2.011.999.724	2.044.643.022
Chi phí khấu hao TSCĐ	517.276.032	499.450.141
Thuế phí và lệ phí	78.410.976	125.135.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.986.209.277	7.094.059.372
Chi phí bằng tiền khác	5.792.561.165	6.198.557.499
<b>Tổng</b>	<b>38.527.854.873</b>	<b>41.812.792.953</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	168.977.862	1.868.182
Tiền phạt thu được	1.951.489	89.536.383
Xử lý công nợ	1.925.820.185	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	33.007.834	-
Thu nhập khác	-	13.049.092
<b>Tổng</b>	<b>2.129.757.370</b>	<b>104.453.657</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hợp đồng	27.461.000	299.146.477
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH, truy thu thuế	22.829.100	368.178.263
<b>Tổng</b>	<b>50.290.100</b>	<b>667.324.740</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>2.079.467.270</b>	<b>(562.871.083)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>18.780.319.517</b>	<b>23.957.190.925</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	450.363.377	834.256.339
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>252.000.000</i>	<i>252.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>198.363.377</i>	<i>582.256.339</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	296.371.937	1.431.842.595
<i>Điều chỉnh giảm chi phí trích trước</i>	<i>216.830.442</i>	<i>302.548.150</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>-</i>	<i>453.600.000</i>
<i>Chi phí hạch toán năm trước cơ quan thuế chuyển chi phí sang năm nay</i>	<i>79.541.495</i>	<i>675.694.445</i>
<b>Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>18.934.310.957</b>	<b>23.359.604.669</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.786.862.191	4.671.920.934
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	51.226.817	684.021.907
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.838.089.008</b>	<b>5.355.942.841</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>14.942.230.509</b>	<b>18.601.248.084</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>-</i>	<i>(4.020.249.616)</i>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>14.942.230.509</b>	<b>14.580.998.468</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>996</b>	<b>972</b>

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 67/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 18/4/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 4.020.249.616 VND. Do đó, việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ 1240 VND/cổ phiếu xuống còn 972 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2024 VND (Đã trình bày)	Năm 2024 VND (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND)	18.601.248.084	18.601.248.084	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(4.020.249.616)	(4.020.249.616)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.601.248.084	14.580.998.468	(4.020.249.616)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.240	972	(268)

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.545.410.164	24.622.933.430
Chi phí nhân công	224.887.019.523	182.273.364.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.296.192.696	3.816.643.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.674.465.511	79.957.580.956
Chi phí khác bằng tiền	21.555.649.856	17.640.486.948
<b>Tổng</b>	<b>368.958.737.750</b>	<b>308.311.009.124</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7 THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cung ứng nhiên liệu Điện lực Dầu khí (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Ban quản lý Dự án điện	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty Simple Nutrition Company limited	Công ty liên quan với Ông Bùi Duy Nhị - Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH cơ khí chính xác Tân Long	Công ty liên quan với Ông Vũ Anh Tuấn - TV HĐQT kiêm Giám đốc
Công ty TNHH Thuận Việt Hà	Công ty liên quan với Ông Vũ Anh Tuấn - TV HĐQT kiêm Giám đốc
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Minh	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH MW Việt Nam	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Điện lực Minh An	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thanh Tâm HD	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thành Bảo Phúc	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Hòa Bảo An	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sản xuất Gia công Cơ khí Đ.Q	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Goldman Industrials	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Công trình 688	Công ty liên quan với Ông Bùi Văn Chính - Phó Giám đốc
Công ty TNHH HOMEJBN	Công ty liên quan với Ông Bùi Văn Chính - Phó Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAIC
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	5.379.324.050	5.645.977.790

**Trong đó chi tiết như sau:**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 01/01/2026)	828.085.271	879.172.342
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên kiêm Giám đốc	824.848.492	878.562.749
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên	652.198.821	686.735.771
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Huy An	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	685.883.369	724.397.935
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	688.266.811	728.672.463
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	757.967.766	775.829.253
Ông Bùi Văn Chinh	Phó Giám đốc	690.073.520	720.607.276
Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà NghiêM Thị Phụng	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Mua hàng</b>			<b>992.361.894</b>	<b>1.205.245.301</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	818.123.964	1.080.894.355
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	50.337.330	124.350.946
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	12.000.600	-
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	111.900.000	-
<b>Bán hàng</b>			<b>238.398.389.207</b>	<b>234.680.979.085</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	21.177.575.188
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	33.973.412.764
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	60.577.726.947
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	186.110.640.198	63.770.873.715
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	19.540.363.960	51.030.401.555
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	327.857.633	699.988.916
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	32.419.527.416	3.451.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2025</u> <u>VND</u>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>88.483.844.760</b>	<b>102.013.361.991</b>
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	5.080.885.046	6.606.186.471
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	-	15.824.484.104
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	-	10.242.380.066
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	53.387.763.945	68.931.928.863
Công ty CP năng lượng tái tạo điện lực dầu khí	Cùng Công ty mẹ	71.789.260	126.502.487
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	29.943.406.509	281.880.000
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>6.093.601.279</b>	<b>7.861.498.638</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	294.315.000	294.315.000
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	3.029.583.609	7.567.183.638
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.035.959.620	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	1.733.743.050	-

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

**Người lập biểu**



**Hoàng Thị Hồng Trang**

**Kế toán trưởng**



**Lê Đình Thái**

**Giám đốc**



**Vũ Anh Tuấn**